

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2023/HC-PT
Ngày 27 tháng 02 năm 2023
V/v “*Khiếu kiện các quyết định thu
hồi, phê duyệt đơn giá, bồi thường và
cưỡng chế thu hồi đất; hành vi hành
chính về chi tiền bồi thường*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Thanh Dũng

Ông Phạm Trí Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quang Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ba Duy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và 27 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 681/2022/TLPT-HC ngày 28 tháng 10 năm 2022 “*Khiếu kiện các quyết định thu hồi, phê duyệt đơn giá, bồi thường và cưỡng chế thu hồi đất; hành vi hành chính về chi tiền bồi thường*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 76/2022/HC-ST ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 27/2023/QĐPT-HC ngày 11 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ngân hàng N. Địa chỉ: Số 02 Láng Hạ, phường Thành Công, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ngân hàng N - Chi nhánh Thành phố H. Địa chỉ: Số 02A P, Phường N, Quận 1, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ B - Giám đốc Chi nhánh Thành phố H. (Theo Quyết định số 2965/QĐ-NHN_o-PC ngày 27/12/2019 của Tổng giám đốc V/v ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án) .

Người đại diện theo ủy quyền của Chi nhánh Thành phố H: Ông Trịnh Văn M - Cán bộ Chi nhánh Thành phố H. (Theo văn bản ủy quyền ngày 22/5/2022) (Có mặt)

Người bị kiện:

1/ Ủy ban nhân dân tỉnh L.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn U - Chủ tịch UBND tỉnh L (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Võ Thị Mỹ N - Phó trưởng Phòng Quản lý đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án)

2/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Hữu T - Phó Chủ tịch UBND huyện. (Theo văn bản ủy quyền số 1422/GUQ-UBND ngày 14/3/2022) (có mặt)

3/ Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh L

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Hữu T- Phó Chủ tịch UBND huyện. (Theo văn bản ủy quyền số 2795/GUQ-UBND ngày 10/5/2022) (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Lê Minh N (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án) và Luật sư Trần Thái D (có mặt) - Công ty luật TNHH Tâm Quang thuộc Đoàn luật sư Thành phố H.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan:

1/ Ông Đinh Tuấn K, sinh năm: 1957 - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Xây dựng- Thương mại T. Địa chỉ: 423/A4 N, phường 9, Quận P, Thành phố H. (Vắng mặt)

2/ Bà Bùi Mộng T, sinh năm: 1972; Địa chỉ: 423/A4 N, phường 9, Quận P, Thành phố H. (Có mặt)

3/ Công ty Cổ phần đầu tư I; Địa chỉ: Ấp 5 đường tỉnh 826B, xã Long Hựu Đông, huyện C, tỉnh L. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Triệu Đăng K, sinh năm: 1986; Địa chỉ: Số 1170/49b đường 3 tháng 2, phường 12, Quận 11, Thành phố H. (Vắng mặt)

4/ Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện C, tỉnh L. (Vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Chấn Q - Phó Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện C, tỉnh L (có mặt).

Người kháng cáo: Người khởi kiện Ngân hàng N; người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh L

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và đơn kiện bổ sung, người khởi kiện- Ngân hàng N (trình bày:**

Ngân hàng N ủy quyền cho Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ký 02 Hợp đồng tín dụng với ông Đinh Tuấn K- Chủ Doanh nghiệp tư nhân T (DNTN T) gồm Hợp đồng tín dụng số 1700-LAV201002328/HĐTD ngày 17/12/2010, số tiền cho vay 19 tỷ đồng, thời hạn cho vay 12 tháng và Hợp đồng tín dụng số 1700-LAV-201100245 ngày 09/02/2011, số tiền cho vay 7 tỷ đồng, thời hạn cho vay 06 tháng.

Để đảm bảo cho 02 hợp đồng nêu trên, hai bên đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 1700-LCP-201001361 được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh L ngày 23/12/2010, quyển số 5, số thứ tự 370. Tài sản thế chấp là:

- + Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00045QSDĐ/0415-LA do UBND tỉnh L cấp ngày 29/9/2003 (Thửa số 2015, tờ bản đồ số 5, số phát hành Y 457938, vào sổ cấp giấy số T00045).

- + Tài sản gắn liền với đất: Nhà văn phòng (Giấy phép xây dựng số 114/GPXD do UBND huyện C cấp ngày 24/11/2003; Bản vẽ thiết kế xây dựng ngày 24/11/2003. Giấy chủ quyền nhà số 232/UB.NĐ do UBND huyện C cấp ngày 29/11/2004).

Do ông Kvi phạm nghĩa vụ nên Ngân hàng N ủy quyền cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng đã khởi kiện ông Đinh Tuấn K- Chủ DNTN T và được Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh theo Thông báo số 0688/2018/TB-TLVA ngày 15/8/2018. Trong quá trình giải quyết thì Ngân hàng được biết UBND huyện C đã ban hành các quyết định thu hồi đất, bồi thường và cưỡng chế thu hồi đất đối với Doanh nghiệp tư nhân T (DNTN T) để UBND tỉnh L giao cho Công ty Cổ phần I (Công ty I) thực hiện dự án Khu công nghiệp và Cầu cảng P.

Ngày 22/5/2020, UBND huyện C đã chi bồi thường đối với tài sản trên đất cho DNTN T với số tiền 8,3 tỷ đồng.

Tại cuộc họp giữa đại diện Ngân hàng N Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh các ngày 11/9/2020 và ngày 20/4/2021, Ngân hàng thể hiện rõ quan điểm chỉ giải chấp tài sản thế chấp khi DNTN T trả hết nợ hoặc khi có phán quyết của Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng. Nhưng DNTN T vẫn được xem xét chi trả tiền bồi thường không đúng quy đi. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định sau:

(1) Quyết định số 1586/QĐ-UBND ngày 16/5/2014 của UBND tỉnh L về việc thu hồi đất của DNTN Xây dựng - Thương mại T; (2) Quyết định số 4939/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của UBND tỉnh L về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với dự án Khu công nghiệp và Cầu cảng P do Công ty Cổ phần I làm chủ đầu tư; (3) Quyết định số 3375/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND huyện C về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với dự án Khu công nghiệp và Cầu cảng P do Công ty Cổ phần I làm chủ đầu tư; (4) Quyết định số 449/QĐ-UBND ngày 13/4/2020 của Chủ tịch UBND huyện C về việc cưỡng chế thu hồi đất; (5) Quyết định số 3068/QĐ-UBND ngày 15/5/2020 của UBND huyện C về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với dự án Khu công nghiệp và Cầu cảng P do Công ty Cổ phần I làm chủ đầu tư; (6) Quyết định số 1731/QĐ-UBND ngày 22/5/2020 của UBND huyện C về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với dự án Khu công nghiệp và Cầu cảng P do Công ty Cổ phần I làm chủ đầu tư; (7) Quyết định số 3218/QĐ-UBND ngày 22/5/2020 của UBND huyện C về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với dự án Khu công nghiệp và Cầu cảng P do Công ty Cổ phần I làm chủ đầu tư. Đồng thời yêu cầu xem xét hành vi chi tiền sai của UBND huyện C và Ban quản lý dự án, buộc UBND tỉnh L, UBND huyện C và Ban quản lý đầu tư xây dựng huyện C có trách nhiệm thu hồi số tiền đã chi không đúng theo Phiếu chi (không số) ngày 22/5/2020 theo quy định và bồi thường nhà nước cho thiệt hại của Ngân hàng .

*** Tại Văn bản số 12153/UBND-NCTCD ngày 01/12/2021, người bị kiện - UBND tỉnh L trình bày:**

Ngày 29/9/2003, UBND tỉnh L ban hành Quyết định số 3365/QĐ-UB cho phép DNTN Xây dựng – Thương mại T (DNTN T) được nhận quyền và chuyển đổi mục đích sử dụng đất với diện tích 6.071,9m² để sử dụng vào mục đích xây dựng bãi cấp cát và vật liệu xây dựng, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Y 457938 ngày 29/9/2003 (thửa đất số 2015, tờ bản đồ số 5, tại xã P, huyện C).

Ngày 15/10/2007, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2609/QĐ-UBND về việc thu hồi 1.433.712m² đất tại xã P, huyện C, tỉnh L giao cho Công ty Cổ phần I (đổi từ Công ty MT Gas) để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng Cụm công nghiệp- cầu cảng P.

Ngày 07/11/2007, UBND huyện C ban hành Quyết định số 3833/QĐ-UBND về việc chi tiền bồi thường thu hồi đất để xây dựng Khu công nghiệp – cầu cảng P đối với phần đất làm bãi cấp của DNTN T, số tiền 1.028.383.158đ nhưng DNTN T không đồng ý.

Ngày 22/10/2014, Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đã có chỉ đạo triển khai thu hồi đất DNTN T tại Văn bản số 498/VPCP-V.I.

Ngày 16/5/2014, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1586/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của DNTN T với diện tích 5.471,6m² để thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng giao cho Công ty P sử dụng vào mục đích đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp – Cầu cảng P.

Ngày 22/5/2020, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1731/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với dự án Khu công nghiệp và Cầu cảng P do Công ty Cổ phần I làm chủ đầu tư. Quyết định số 3218/QĐ-UBND ngày 22/5/2020 của UBND huyện C về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với dự án Khu công nghiệp và Cầu cảng P do Công ty Cổ phần I làm chủ đầu tư.

Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện C đã hoàn thành chi tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng với số tiền bồi thường tài sản trên đất 8.313.093.000đ, số tiền bồi thường đất là 4.753.715.400đ đã chuyển vào tài khoản của DNTN T theo biên bản số 3908/BB-UBND ngày 17/6/2020 của UBND huyện C.

Hiện phần đất thu hồi đã được bàn giao cho Công ty Cổ phần I để thực hiện dự án đầu tư Khu công nghiệp và Cầu cảng P (Công ty P); hiện Công ty P đã hoàn thành đầu tư hạ tầng và đưa Khu công nghiệp đi vào hoạt động đi vào hoạt động từ tháng 3/2021. Do đó, việc Ngân hàng khởi kiện là không có cơ sở.

*** Tại Văn bản số 3973/UBND-TD ngày 17/6/2022, người bị kiện - Chủ tịch UBND và UBND huyện C trình bày:**

UBND huyện C và Chủ tịch UBND huyện C ban hành các quyết định gồm: Quyết định số 3375/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND huyện C về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với dự án Khu công nghiệp và Cầu cảng P do Công ty Cổ phần I làm chủ đầu tư; Quyết định số 449/QĐ-UBND ngày 13/4/2020 của Chủ tịch UBND huyện C về việc cưỡng chế thu hồi đất; Quyết định số 3068/QĐ-UBND ngày 15/5/2020 của UBND huyện C về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với dự án Khu công nghiệp và Cầu cảng P do Công ty Cổ phần I làm chủ đầu tư; Quyết định số 1731/QĐ-UBND ngày 22/5/2020 của UBND huyện C về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với dự án Khu công nghiệp và Cầu cảng P do Công ty Cổ phần I làm chủ đầu tư; Quyết định số 3218/QĐ-UBND ngày 22/5/2020 của UBND huyện C về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với dự án Khu công nghiệp và Cầu cảng P do Công ty Cổ phần I làm chủ đầu tư. Các quyết định nêu trên là căn cứ Luật đất đai 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày

15/5/2015 của Bộ Tài chính; Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Căn cứ vào các quyết định của UBND tỉnh L gồm: Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 20/3/2018 về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 4939/QĐ-UBND ngày 26/12/2019, Quyết định số 35/2016/QĐ-UBND ngày 07/7/2016 về quy định trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất; Quyết định 2609/QĐ-UBND ngày 15/201/2007 về việc thu hồi đất tại xã P; Quyết định số 1586/QĐ-UBND ngày 16/5/2014 về việc thu hồi đất của DNTN T; Quyết định số 3897/QĐ-UBND, số 1650/QĐ-UBND ngày 14/5/2020 và Quyết định số 1731/QĐ-UBND ngày 22/5/2020 về việc phê duyệt đơn giá, phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với dự án Khu công nghiệp và cầu cảng P.

Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh L không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng .

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Ông Đinh Tuấn K, Chủ Doanh nghiệp tư nhân Xây dựng-Thương mại Thăng L và Bà Bùi Mộng T trình bày:**

Việc UBND tỉnh L ban hành Quyết định số 1586/QĐ-UBND ngày 16/5/2014 về việc thu hồi thửa 2015 của DNTN T do UBND tỉnh cấp ngày 29/9/2003. Phần đất này DNTN T đang thế chấp cho Ngân hàng để vay vốn kinh doanh. Do không đồng ý nên DNTN T đã khiếu nại suốt 06 năm (2014-2020) vì nếu bị thu hồi đất thì tiền bồi thường sẽ không đủ trả nợ vay cho Ngân hàng . DNTN T đề nghị được hoán đổi đất để đảm bảo sản xuất kinh doanh. DNTN T báo cho Ngân hàng hỗ trợ để được hoán đổi đất (do quyền sử dụng đất đang thế chấp, phải có sự đồng ý của Ngân hàng) nhưng Ngân hàng không phản hồi và hỗ trợ. Do có sự chỉ đạo của Phó Thủ tướng nên DNTN T cũng phải chấp hành vì nếu bị cưỡng chế thì thiệt hại sẽ nhiều hơn nên DNTN T chấp nhận.

Yêu cầu của Ngân hàng đề nghị thu hồi tiền đã chi cho DNTN T theo phiếu chi ngày 22/5/2020 là không có căn cứ vì phần tiền bồi thường không thuộc tài sản mà DNTN T đã thế chấp cho Ngân hàng .

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Công ty Cổ phần đầu tư I do ông Triệu Đăng K đại diện theo ủy quyền trình bày:**

Công ty Cổ phần đầu tư I (Công ty P) được UBND tỉnh L giao đất thu hồi từ Công ty T. Hiện Công ty P đã thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường cho Công ty T. Nay Ngân hàng khởi kiện thì Công ty P đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Ban quản dự án đầu tư xây dựng huyện C không tham gia tố tụng và cũng không có văn bản ý kiến cho Tòa án.**

Tại Bản án số 76/2022/HC-ST ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh L đã quyết định:

Căn cứ Điều 30, Điều 32 và Điều 193 Luật tố tụng hành chính; Điều 61, Điều 62, Điều 66, Điều 69, Điều 71 và Điều 93 Luật Đất đai năm 2013;

Áp dụng Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc khởi kiện quyết định hành chính của UBND tỉnh L, Chủ tịch UBND huyện C, UBND huyện C.

Các Quyết định sau đây đều được ban hành đúng quy định pháp luật, gồm:

Quyết định số 1586/QĐ-UBND ngày 16/5/2014 của UBND tỉnh L về việc thu hồi đất của DNTN Xây dựng - Thương mại T; Quyết định số 4939/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của UBND tỉnh L về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với dự án Khu công nghiệp và Cầu cảng P do Công ty Cổ phần I làm chủ đầu tư; Quyết định số 3375/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND huyện C về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với dự án Khu công nghiệp và Cầu cảng P do Công ty Cổ phần I làm chủ đầu tư; Quyết định số 449/QĐ-UBND ngày 13/4/2020 của Chủ tịch UBND huyện C về việc cưỡng chế thu hồi đất; Quyết định số 3068/QĐ-UBND ngày 15/5/2020 của UBND huyện C về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với dự án Khu công nghiệp và Cầu cảng P do Công ty Cổ phần I làm chủ đầu tư; Quyết định số 1731/QĐ-UBND ngày 22/5/2020 của UBND huyện C về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với dự án Khu công nghiệp và Cầu cảng P do Công ty Cổ phần I làm chủ đầu tư và Quyết định số 3218/QĐ-UBND ngày 22/5/2020 của UBND huyện C về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với dự án Khu công nghiệp và Cầu cảng P do Công ty Cổ phần I làm chủ đầu tư.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện hành vi hành chính của Ngân hàng .

Hành vi của UBND huyện C và Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện C đã chi số tiền bồi thường 8,3 tỷ đồng cho DNTN T là hành vi trái pháp luật.

Buộc UBND huyện C và Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện C phải có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, công vụ để ban hành quyết định và thực hiện việc thu hồi số tiền 8,3 tỷ đồng đã chi cho DNTN T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 04/8/2022, người khởi kiện Ngân hàng N (Ngân hàng) có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng .

Ngày 05/8/2022, người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh L có đơn kháng cáo một phần bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N (Ngân hàng) .

Người bị kiện UBND huyện C tỉnh L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, bác yêu cầu khởi kiện và bác kháng cáo của người khởi kiện sửa án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N (Ngân hàng) .

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: UBND huyện C tỉnh L bắt đầu thực hiện việc thu hồi đất của DNTN T từ năm 2007. Trong suốt quá trình dài phía UBND huyện C không có thông tin về phần đất thu hồi của DNTN T đã thế chấp tại Ngân hàng Ngân hàng . Tuy nhiên, khi kí hợp đồng thế chấp tài sản cho Ngân hàng Ngân hàng thì DNTN T chỉ thế chấp diện tích đất và phần tài sản đã hình thành trên phần diện tích khoảng 2.000m². Phần tài sản trị giá 8 tỷ 300 triệu này được DNTN T đầu tư xây dựng thêm năm 2013, sau khi đã ký hợp đồng thế chấp tài sản cho Ngân hàng Ngân hàng , phần tài sản này không nằm trong giá trị tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng. Sau khi nhận đơn yêu cầu của DNTN T được nhận số tiền bồi thường này, UBND huyện C, Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện mới chi trả số tiền 8 tỷ 300 triệu đồng cho DNTN T. Như vậy, UBND huyện C, Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện chi trả số tiền trên cho DNTN T là hoàn toàn đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của UBND huyện C, sửa án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của Ngân Hàng Ngân hàng .

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân tỉnh L là bà Võ Thị Mỹ N đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, chấp nhận kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh L.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung : UBND huyện C tỉnh L thực hiện quy trình thu hồi đất của DNTN T là hoàn toàn đúng theo quy định pháp luật. Việc chi tiền bồi thường cho DNTN T đúng theo quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần

yêu cầu khởi kiện của ngân hàng Ngân hàng buộc UBND huyện C và Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện C phải thu hồi số tiền 8,3 tỷ đồng đã chi cho DNTN T là không có căn cứ. Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, bác kháng cáo của người khởi kiện. Sửa án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện, người bị kiện được làm đúng thời hạn, hình thức nội dung đảm bảo theo quy định pháp luật.

Về việc xét xử vắng mặt đối với người bị kiện UBND tỉnh L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần đầu tư I, ông Đinh Tuấn Kcăn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tổ tụng Hành chính, Tòa án nhân dân Cấp Cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên.

[2] Người khởi kiện yêu cầu hủy: 1) Quyết định số 1586/QĐ-UBND ngày 16/5/2014 của UBND tỉnh L về việc thu hồi đất của DNTN Xây dựng - Thương mại T; (2) Quyết định số 4939/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của UBND tỉnh L về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với dự án Khu công nghiệp và Cầu cảng P do Công ty Cổ phần I làm chủ đầu tư; (3) Quyết định số 3375/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND huyện C về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với dự án Khu công nghiệp và Cầu cảng P do Công ty Cổ phần I làm chủ đầu tư; (4) Quyết định số 449/QĐ-UBND ngày 13/4/2020 của Chủ tịch UBND huyện C về việc cưỡng chế thu hồi đất; (5) Quyết định số 3068/QĐ-UBND ngày 15/5/2020 của UBND huyện C về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với dự án Khu công nghiệp và Cầu cảng P do Công ty Cổ phần I làm chủ đầu tư; (6) Quyết định số 1731/QĐ-UBND ngày 22/5/2020 của UBND huyện C về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với dự án Khu công nghiệp và Cầu cảng P do Công ty Cổ phần I làm chủ đầu tư; (7) Quyết định số 3218/QĐ-UBND ngày 22/5/2020 của UBND huyện C về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với dự án Khu công nghiệp và Cầu cảng P do Công ty Cổ phần I làm chủ đầu tư. Đồng thời yêu cầu xem xét hành vi chi tiền sai của UBND huyện C và Ban quản lý dự án, buộc UBND tỉnh L, UBND huyện C và Ban quản lý đầu tư xây dựng huyện C có trách nhiệm thu hồi số tiền đã chi không đúng theo Phiếu chi (không số) ngày 22/5/2020 theo quy định. Căn cứ khoản 1 Điều 30 Luật Tổ tụng hành chính các Quyết định, hành vi hành chính trên là đối tượng khởi kiện

vụ án hành chính. Căn cứ khoản 3, 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính Tòa án nhân dân tỉnh L thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[3] Thời hiệu khởi kiện: Căn cứ khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng Hành chính thì thời hiệu khởi kiện của Ngân hàng đối với các quyết định hành chính, hành vi hành chính nêu trên vẫn còn.

[4] Xét tính hợp pháp của Quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khởi kiện:

[4.1] Về trình tự thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định hành chính và thực hiện hành vi hành chính: UBND tỉnh L, Chủ tịch UBND huyện C, UBND huyện C ban hành quyết định thu hồi, phê duyệt đơn giá, bồi thường và cưỡng chế thu hồi đất là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 66 Luật Đất đai. Trình tự thu hồi, bồi thường và cưỡng chế được thực hiện đúng quy định tại Điều 67, Điều 69 và Điều 71 Luật Đất đai. Hành vi chi tiền bồi thường của UBND huyện C và Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện C cho DNTN T đúng theo quy định tại Điều 93 Luật đất đai.

[4.2] Về nội dung các quyết định hành chính và hành vi hành chính bị khởi kiện: Thực hiện dự án Khu công nghiệp và Cầu cảng P tại xã P, huyện C, tỉnh L. Đây là dự án phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng vì vậy UBND tỉnh L, UBND huyện C, Chủ tịch UBND huyện C ban hành các quyết định thu hồi, phê duyệt đơn giá, bồi thường và cưỡng chế thu hồi đất thửa 2015 của DNTN T, gồm: (1) Quyết định số 1586/QĐ-UBND ngày 16/5/2014 của UBND tỉnh L về việc thu hồi đất của DNTN Xây dựng - Thương mại T; (2) Quyết định số 4939/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của UBND tỉnh L về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với dự án Khu công nghiệp và Cầu cảng P do Công ty Cổ phần I làm chủ đầu tư; (3) Quyết định số 3375/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND huyện C về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với dự án Khu công nghiệp và Cầu cảng P do Công ty Cổ phần I làm chủ đầu tư; (4) Quyết định số 449/QĐ-UBND ngày 13/4/2020 của Chủ tịch UBND huyện C về việc cưỡng chế thu hồi đất; (5) Quyết định số 3068/QĐ-UBND ngày 15/5/2020 của UBND huyện C về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với dự án Khu công nghiệp và Cầu cảng P do Công ty Cổ phần I làm chủ đầu tư; (6) Quyết định số 1731/QĐ-UBND ngày 22/5/2020 của UBND huyện C về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với dự án Khu công nghiệp và Cầu cảng P do Công ty Cổ phần I làm chủ đầu tư; (7) Quyết định số 3218/QĐ-UBND ngày 22/5/2020 của UBND huyện C về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với dự án Khu công nghiệp và Cầu cảng P do Công ty Cổ phần I làm chủ đầu tư là đúng theo quy định tại Điều 62, 63 Luật Đất đai năm 2013.

Luật Đất đai năm 2013 không có bất kỳ quy định nào về việc quyền sử dụng đất đang thế chấp tại tổ chức tín dụng thì cơ quan Nhà nước có thẩm quyền không được ban hành các quyết định thu hồi, phê duyệt đơn giá, bồi thường và cưỡng chế thu hồi đất. Bên cạnh đó, tại Điều 43a Nghị định 43/2014/NĐ-CP được bổ sung bởi khoản 28, Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 quy định như sau:

“ 1. Đất đang cho thuê, thế chấp mà Nhà nước thu hồi theo quy định tại Điều 61, Điều 62 của Luật Đất đai thì hợp đồng thuê đất, hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất bị chấm dứt. Việc xử lý quyền và nghĩa vụ có liên quan đến quyền sử dụng đất giữa các bên trong hợp đồng thuê đất, hợp đồng thế chấp thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự”.

[5] Từ các phân tích trên, xét kháng cáo của Ngân hàng yêu cầu hủy các quyết định hành chính nêu trên không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[6] Đối với hành vi hành chính về chi tiền bồi thường cho DNTN T, xét thấy:

[6.1] Theo quy định tại khoản 3, Điều 6 Thông tư liên tịch số 16/2014/TTLT-BTP-BTNMT-NHNN ngày 06/6/2014 của Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ngân hàng Nhà nước quy định về xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trong trường hợp hợp đồng thế chấp đã được đăng ký trước khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi theo quy định pháp luật:

“ 1. Trong quá trình lập phương án về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật đất đai, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường có trách nhiệm tìm hiểu thông tin về quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất bị thu hồi tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất.

Trên cơ sở nội dung đăng ký thế chấp được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cung cấp, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường có trách nhiệm thông báo bằng văn bản số tiền bồi thường, thời gian, địa điểm chi tiền bồi thường cho bên nhận thế chấp và bên thế chấp....

.....3. Trường hợp các bên không thỏa thuận về việc bên nhận thế chấp được nhận số tiền bồi thường, các lợi ích phát sinh liên quan đến tài sản thế chấp trong thời gian hợp đồng thế chấp có hiệu lực thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường chỉ thực hiện việc chi trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều này cho bên nhận thế chấp sau khi có văn bản đồng ý của bên nhận thế chấp. Trường hợp bên thế chấp không đồng ý thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường chuyển số tiền bồi thường vào tài khoản do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường lập tại Ngân hàng và

thực hiện việc chi trả sau khi có bản án, quyết định giải quyết tranh chấp có hiệu lực pháp luật của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác”.

Do quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của DNTN T vẫn đang thế chấp tại Ngân hàng thông qua giao dịch bởi Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh nên việc chi tiền cho DNTN T phải được sự đồng ý bằng văn bản thỏa thuận của bên nhận thế chấp là Ngân hàng. Do đó, việc UBND huyện C và Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện C đã chi số tiền 8,3 tỷ cho DNTN T là trái quy định pháp luật. Hơn nữa, Ngân hàng đã ủy quyền cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng khởi kiện vụ án kinh doanh thương mại tại Tòa án nhân dân quận P, Thành phố H thụ lý từ năm 2018 đến nay chưa giải quyết xong nên việc chi số tiền bồi thường 8,3 tỷ đồng cho DNTN T là hành vi hành chính làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích chính đáng của Ngân hàng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về hành vi hành chính của UBND huyện C là có căn cứ. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện C là cơ quan tham mưu cho UBND huyện C đã trực tiếp chi tiền sai nên phải liên đới chịu trách nhiệm về hành vi hành chính này. Việc Ngân hàng yêu cầu UBND tỉnh L cùng chịu trách nhiệm thu hồi số tiền trên là không đúng vì UBND tỉnh L không có bất kỳ văn bản nào chỉ đạo và cũng không phải là cơ quan có thẩm quyền trong việc chi tiền bồi thường.

[7] Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng và UBND huyện C tỉnh L.

[8] Quan điểm của Kiểm sát viên có 1 phần phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nhân định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Do kháng cáo không được chấp nhận nên Ngân hàng, UBND huyện C tỉnh L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

Bác kháng cáo của Ngân hàng N, Ủy ban nhân dân huyện C, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số: 76/2022/HC-ST ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh L về khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp thu hồi, phê duyệt đơn giá bồi thường và cưỡng chế thu hồi đất; hành vi hành chính về chi tiền bồi thường, cụ thể như sau:

Căn cứ Điều 30, Điều 32 và Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Điều 61, Điều 62, Điều 66, Điều 69, Điều 71 và Điều 93 Luật Đất đai năm 2013;

Áp dụng Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1/ Bác yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc khởi kiện quyết định hành chính của UBND tỉnh L, Chủ tịch UBND huyện C, UBND huyện C: 1) Quyết định số 1586/QĐ-UBND ngày 16/5/2014 của UBND tỉnh L về việc thu hồi đất của DNTN Xây dựng - Thương mại T; 2) Quyết định số 4939/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của UBND tỉnh L về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với dự án Khu công nghiệp và Cầu cảng P do Công ty Cổ phần I làm chủ đầu tư; 3) Quyết định số 3375/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND huyện C về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với dự án Khu công nghiệp và Cầu cảng P do Công ty Cổ phần I làm chủ đầu tư; 4) Quyết định số 449/QĐ-UBND ngày 13/4/2020 của Chủ tịch UBND huyện C về việc cưỡng chế thu hồi đất; 5) Quyết định số 3068/QĐ-UBND ngày 15/5/2020 của UBND huyện C về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với dự án Khu công nghiệp và Cầu cảng P do Công ty Cổ phần I làm chủ đầu tư; 6) Quyết định số 1731/QĐ-UBND ngày 22/5/2020 của UBND huyện C về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với dự án Khu công nghiệp và Cầu cảng P do Công ty Cổ phần I làm chủ đầu tư; 6) Quyết định số 3218/QĐ-UBND ngày 22/5/2020 của UBND huyện C về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với dự án Khu công nghiệp và Cầu cảng P do Công ty Cổ phần I làm chủ đầu tư.

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện hành vi hành chính của Ngân hàng :

Hành vi của UBND huyện C và Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện C đã chi số tiền bồi thường 8,3 tỷ đồng cho DNTN T là hành vi trái pháp luật.

Buộc UBND huyện C và Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện C phải có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, công vụ để ban hành quyết định và thực hiện việc thu hồi số tiền 8,3 tỷ đồng đã chi cho DNTN T.

3/ Về án phí: UBND huyện C và Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện C mỗi đương sự phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sung vào công quỹ Nhà nước. Ngân hàng không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả số tiền 600.000 đồng Ngân hàng đã nộp tại các biên lai thu số 0000252 ngày 14/3/2022 và số 0003140 ngày 17/5/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh L.

Án phí hành chính phúc thẩm: Ngân hàng phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001317 ngày 31/8/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh L. Ủy ban nhân dân huyện C tỉnh L phải chịu án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000497 ngày 08/8/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh L.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- Cục THADS tỉnh L;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Thanh Thúy